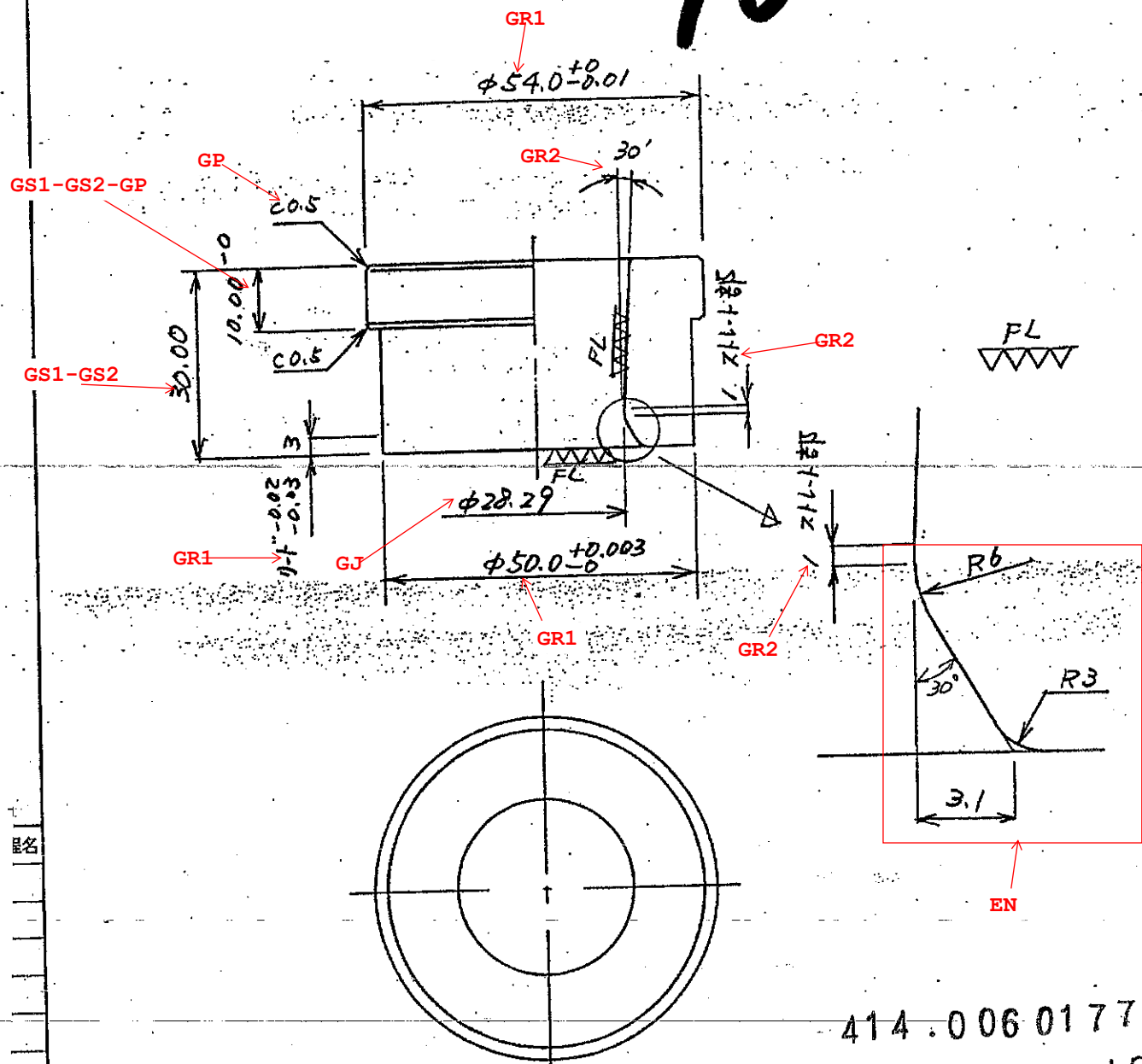


MV

10/6

記号	年月日	記 事	担 当
△	04.3.8	部品統合関係、材質変更、図番変更	常 規

FL (▽▽▽)



414.0060177

1-012

同軸度、垂直度 0.005以内

引伸下模

新圖面番號 5439169

図 面 番 号	TM 03-004M-00-1-012	BB BA a
---------	---------------------	------------

加工公差表示				材 質		数/台	担 当
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005	WC (D25/HIP)		1	
0.000	±0.005	0.000 ⁻⁰	+0 -0.005	WC (D20/HIP)			
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01	熱 処 理	焼入 焼戻 HRC		
0.0	±0.1	0.00 ⁻⁰	+0 -0.01	表面処理			
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1	尺 度	/ (/)		
		0.0 ⁻⁰	+0 -0				

公差表示されている場合は、それを優先する

部品名 絞リタリ

圖番 901073-12
 整番 931062
 材料 RF-370C 大ケス
 2絞リ型
 製圖 設計 検圖
 日付 90.10
 承認

PTP 5439169 TRIP

SNO: S439169	
SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:	
NGƯỜI THIẾT LẬP: 10197	
DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S439169	GS1:30 GR1:200 GJ:200 EN:200 KA GS2:60 GP:60 GR2:120 AF:30 KT